

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 32/2022/HS-ST

Ngày: 06-7-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung Thành, Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nữ Giang Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm Phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/TLST - HS ngày 28/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1995, tại huyện T, tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh T; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn H; Sinh năm 1963; Con bà: Trịnh Thị P; Sinh năm 1968; Trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh T; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HSST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt Lê Văn T 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST, ngày 20/5/2022, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HSST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2021.

Ngày 21/3/2022, bị khởi tố bị can về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ

chức”. Hiện đang bị giam giữ tại Nhà tạm giữ Công an quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

**Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Đặng Thị P, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh B;  
(*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1996, địa chỉ: Khu 2, phường P, Thị xã Q, tỉnh Q; (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1998, địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh T; (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

**Người làm chứng:**

- Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh B;  
(*Vắng mặt*)

**Những người tham gia tố tụng khác hỗ trợ tổ chức phiên tòa:**

- Tại điểm cầu trung tâm phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

+ Đồng chí Lê Quang Hùng, chiến sỹ đội hỗ trợ tư pháp, Công an tỉnh Hà Tĩnh, (*Có mặt*).

- Tại điểm cầu thành phần phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh:

+ Đồng chí Nguyễn Hải Phương Nam, chiến sỹ đội hỗ trợ tư pháp, Công an quận Tân Bình; (*Có mặt*).

+ Đồng chí Nguyễn Tiến Quốc, chiến sỹ đội hỗ trợ tư pháp, Công an quận Tân Bình; (*Có mặt*).

+ Ông Hoàng Chí Thành, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; (*Có mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, chị Đặng Thị P, sinh năm 2000, trú tại xã T, huyện L, tỉnh B và anh Hu Yue Hong, sinh năm 1994, quốc tịch Trung Quốc cần làm thủ tục kết hôn với nhau để chị Đặng Thị P xin làm Visa sang Trung Quốc định cư cùng anh Hu Yue Hong. Thời điểm này do tình hình dịch bệnh Covid 19 phức tạp và đang mang bầu nên chị Đặng Thị P không trực tiếp đến cơ quan nhà nước để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Hu Yue Hong. Ngày 22/8/2020, chị Đặng Thị P sử dụng tài khoản Facebook cá nhân có tên “Phương Anh S” đăng bài viết trong nhóm “Người Việt Nam ở Trung Quốc” với nội dung “Có bạn nào nhận làm giấy đăng ký kết hôn với người Trung Quốc không”. Lúc này, Lê Văn T, sinh năm 1995, trú tại xã T, huyện T, tỉnh T sử dụng tài khoản Facebook “Hùng Văn” nhắn tin nói chuyện trao đổi và nhận làm giấy chứng nhận kết hôn cho chị P, chi phí hết 19.500.000 đồng, chị P phải đặt cọc trước cho T số tiền 6.250.000 đồng. Tin tưởng vào các thông tin do Lê Văn T đưa ra và đang cần

giấy tờ để đi sang Trung Quốc nên chị P đồng ý. Theo yêu cầu của T, chị P chụp ảnh chứng minh nhân dân, hộ chiếu của chị P và anh Hu Yue Hong gửi cho T, đồng thời nhờ bạn là chị Nguyễn Thị H chuyển số tiền 6.250.000 đồng từ tài khoản 19034125195019 của chị H đến tài khoản số 103870137649 của ngân hàng Viettinbank mang tên Trần Thị Trúc L. Cùng ngày, Lê Văn T tiếp tục yêu cầu chị Đặng Thị P chuyển thêm số tiền 6.300.000 đồng vào tài khoản số 103870137649 của ngân hàng Viettinbank mang tên Trần Thị Trúc L.

Ngày 24/8/2020, Lê Văn T lấy lý do xin dâu ở Cục (không nói rõ Cục nào) và yêu cầu chị Đặng Thị P chuyển số tiền 7.000.000 đồng, chị P đồng ý và nhờ bạn là chị Đặng Thị H, sinh năm 1990, trú tại huyện L, tỉnh B chuyển số tiền 7.000.000 đồng từ tài khoản 0281000449208 của chị H đến tài khoản 50110000983245 của ngân hàng BIDV mang tên Lê Văn T. Sau khi nhận tiền từ chị P, theo như Lê Văn T khai nhận thì T đã lên mạng xã hội Facebook và thấy tài khoản Facebook “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh” đăng bài “Có thể làm được mọi loại giấy tờ”, nên T vào bình luận để đặt người này làm Giấy chứng nhận kết hôn, người này đã sử dụng tài khoản “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh” nhắn cho T một mã Wechat để kết bạn nhắn tin (họ và tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này thì T không biết). Sau đó, người sử dụng tài khoản “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh” thống nhất với Lê Văn T gửi thông tin để làm giấy chứng nhận kết hôn, sau 3-5 ngày sẽ có giấy, chi phí từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng. Lê Văn T gửi hình ảnh chứng minh nhân dân, hộ chiếu của chị Đặng Thị P và anh Hu Yue Hong để người sử dụng tài khoản “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh” làm giấy chứng nhận kết hôn cho chị P. Khoảng 3 - 4 ngày sau, người sử dụng tài khoản “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh” gửi hình ảnh giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đặng Thị P và Hu Yue Hong (chưa có chữ ký) cho Lê Văn T và yêu cầu T gửi địa chỉ người nhận để gửi giấy tờ và thanh toán tiền. Ngày 26/8/2020, Lê Văn T tiếp tục gọi điện thoại cho chị P yêu cầu chuyển số tiền 4.500.000 đồng và nói với chị P 03 ngày nữa sẽ có giấy chứng nhận kết hôn, chị P tiếp tục nhờ chị Nguyễn Thị H chuyển 4.500.000 đồng vào tài khoản số 103870137649 ngân hàng Viettinbank mang tên Trần Thị Trúc L. Sau đó, theo như Lê Văn T khai nhận thì T đã đổi số tiền khoảng 15.000.000 đồng thành tiền nhân dân tệ và chuyển qua ứng dụng Wechat vào tài khoản số 107870951458 của ngân hàng Viettinbank mang tên Dương Văn Ba, theo yêu cầu của người sử dụng tài khoản Facebook “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh”.

Đến ngày 29/8/2020, chị Đặng Thị P gọi điện thoại cho Lê Văn T hỏi tại sao chị P chưa nhận được Giấy chứng nhận kết hôn thì T nói là gửi nhầm địa chỉ. Ngày 01/9/2020, có một nam thanh niên (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) giới thiệu là người giao hàng đến nhà chị Đặng Thị P và nói bên gửi hàng yêu cầu thu số tiền 3.000.000 đồng, chị P xem phong bì thấy không ghi thông tin người gửi, bóc phong bì ra xem thì thấy bên trong có 01 giấy chứng nhận kết hôn có

tên Đặng Thị P và Hu Yue Hong nên chị P biết là Giấy chứng nhận kết hôn của Lê Văn T gửi, chị P gọi điện thoại cho T hỏi tại sao lại thu thêm số tiền 3.000.000 đồng thì T nói với chị P là “Em nhận thì nhận không nhận thì thôi”. Nghĩ là Lê Văn T làm được giấy chứng nhận kết hôn thật và do đang cần gấp giấy chứng nhận kết hôn để làm Visa sang Trung Quốc nên chị Đặng Thị P đã đưa cho người giao hàng 3.000.000 đồng để nhận giấy. Sau đó, chị Đặng Thị P sử dụng giấy chứng nhận kết hôn để làm Visa thì biết được là giấy giả và biết đã bị Lê Văn T lừa đảo nên chị P gọi điện thoại và nhắn tin qua tài khoản Facebook “Hùng Văn” cho Lê Văn T nhưng không liên lạc được. Đến ngày 01/3/2021, khi biết Lê Văn T bị Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh bắt giữ, chị P đã viết đơn tố cáo hành vi làm giả giấy tờ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Văn T gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để điều tra, xử lý. (BL số 59 -76; 85 - 88; 96 - 204)

Quá trình điều tra còn xác định với phương thức, thủ đoạn như trên, Lê Văn T còn nhận làm giấy chứng nhận kết hôn cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996, trú tại Khu 2, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và anh Cai Zhong Chao (quốc tịch Trung Quốc) để lừa đảo chiếm đoạt của chị L số tiền 24.192.000 đồng. Ngày 20/8/2020, khi nhân viên giao hàng đến giao bưu phẩm là Giấy chứng nhận kết hôn và yêu cầu chị Nguyễn Thị L thanh toán thêm 3.500.000 đồng, chị L gọi điện thoại cho Lê Văn T yêu cầu xem giấy tờ gốc mới thanh toán nhưng T không đồng ý nên chị L không thanh toán tiền và cũng không nhận giấy chứng nhận kết hôn mà Lê Văn T gửi đến thông qua nhân viên giao hàng. Đến ngày 06/3/2021, khi biết Lê Văn T bị Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh bắt giữ, chị L đã viết đơn tố cáo hành vi làm giả giấy tờ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Văn T gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để điều tra, xử lý (BL số 77 - 84; 89 – 156 - 204).

\* *Bản Kết luận giám định số 30/PC09-TL ngày 19/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận:* Hình dấu có nội dung “U.B.N.D HUYỆN LỤC NGẠN TỈNH BẮC GIANG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A (01 Giấy chứng nhận kết hôn đề tên Đặng Thị P và Hu Yue Hong, đề ngày 18/8/2020) không phải là hình dấu đóng trực tiếp, so với hình dấu của Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra (BL số 01 - 08)

\* *Vật chứng thu giữ:* Cơ quan điều tra đã thu giữ từ chị Đặng Thị P 01 (một) văn bản ghi giấy chứng nhận kết hôn đề tên Đặng Thị P và Hu Yue Hong, ngày 18/8/2020, Cơ quan điều tra đã thống kê bút lục đưa vào hồ sơ vụ án (BL số 04).

Với hành vi trên, tại bản Cáo trạng số 26/CT- VKS- P2 ngày 19 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố Lê Văn T về tội “Làm

*giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 104 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 đến 15 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*". Tổng hợp hình phạt với bản án số 40/2022/HSST, ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là từ 11 năm đến 11 năm 3 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Đã được xem xét giải quyết trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước đó nên không xem xét gì thêm; vật chứng lưu hồ sơ vụ án nên không xem xét gì thêm, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận tất cả các hành vi, cách thức thực hiện tội phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng cuối tháng 8/2020, thông qua mạng xã hội Facebook, Lê Văn T biết chị Đặng Thị P có nhu cầu nhờ người làm giúp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị Đặng Thị P và chồng là anh Hu Yue Hong (sinh năm 1994; Quốc tịch Trung Quốc). Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên Lê Văn T đã lừa chị Đặng Thị P là T làm được Giấy chứng nhận kết hôn. Tin tưởng vào thông tin do Lê Văn T giới thiệu nên chị Đặng Thị P đã cung cấp thông tin cá nhân của chị P và chồng là anh Hu Yue Hong, đồng thời chuyển khoản số tiền 24.050.000 đồng cho Lê Văn T. Sau đó, Lê Văn T đã truy cập vào mạng xã hội Facebook, cung cấp

thông tin cá nhân của chị P và chồng là anh Hu Yue Hong cho người sử dụng tài khoản Facebook “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh” làm giả 01 giấy chứng nhận kết hôn gửi đến cho chị P vào ngày 01/9/2020 thông qua nhân viên giao hàng, chị P nhận giấy chứng nhận kết hôn và tiếp tục thanh toán cho nhân viên giao hàng số tiền 3.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị cáo Lê Văn T là người đủ nhận thức, năng lực trách nhiệm hình sự. Mặc dù không có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn cho người Việt Nam và người Trung Quốc, nhưng khi được chị Đặng Thị P đặt làm giấy chứng nhận kết hôn bị cáo vẫn nhận lời làm rồi lên mạng đặt người khác làm giấy tờ giả mục đích chiếm đoạt số tiền 24.050.000đ. Hành vi đặt làm giấy tờ giả giống giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 điều 341 Bộ luật hình sự. Hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*Nhân thân bị cáo:*

- Ngày 08/11/2021, bị cáo bị xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HSST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh);

- Ngày 20/5/2022, bị cáo bị xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tổng hợp hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HSST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2021 (Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST, ngày 20/5/2022, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh).

*Tình tiết tăng nặng:* Không.

*Tình tiết giảm nhẹ:* Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra

khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Những nội dung khác liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi Lê Văn T đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Đặng Thị P số tiền 24.050.000 đồng và chị Nguyễn Thị L số tiền 24.192.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã khởi tố, điều tra vụ án, ngày 08/11/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử vụ án đối với Lê Văn T.

Đối với hành vi Lê Văn T làm giả Giấy chứng nhận kết hôn theo đơn tố cáo của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996, trú tại khu 2, phường P, thị xã Q, tỉnh Q. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị L không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn mà chị L đã đặt Lê Văn T làm nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự đối với hành vi này.

Đối với chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1998, trú tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh T: Kết quả điều tra xác định Lê Văn T và Trần Thị Trúc L quen biết và sống cùng với phòng trọ với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian sống chung chị Trần Thị Trúc L giao thẻ ngân hàng số 103870137649 của ngân hàng Viettinbank mang tên Trần Thị Trúc L cho Lê Văn T quản lý, sử dụng, việc Lê Văn T đặt làm giấy tờ giả, sử dụng tài khoản ngân hàng của chị Linh để nhận tiền của chị Đặng Thị P và Nguyễn Thị L thì chị Trần Thị Trúc L không biết. Do đó, không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Trần Thị Trúc L.

Quá trình điều tra Lê Văn T khai nhận sau khi nhận tiền của chị Đặng Thị P, Nguyễn Thị L thì T đã chuyển tiền cho người sử dụng Facebook “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh” để làm giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng chị Đặng Thị P, Nguyễn Thị L nhưng Lê Văn T không cung cấp được họ tên, tuổi, địa chỉ của người sử dụng Facebook “Hà Thị Thu Visa xuất nhập cảnh”. Đối với tài khoản số 107870951458 của ngân hàng Viettinbank mang tên Dương Văn Ba (sinh năm 1992, địa chỉ khu đô thị Phúc Sơn, xã Thượng Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra, kết quả ủy thác điều tra xác định tại khu đô thị Phúc Sơn, xã Thượng Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc không có người tên Dương Văn Ba. Căn cứ thông tin do Công ty cổ phần giao hàng tiết kiệm cung cấp về “mã vận đơn” gửi hàng do chị Nguyễn Thị L cung cấp, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh người có tên “Minh” tại địa chỉ số 73 và 75 đường Văn Cao, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có kết quả. Do đó, không có căn cứ để Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh đối với đối tượng làm và gửi giấy tờ giả cho chị Đặng Thị P, Nguyễn Thị L theo như Lê Văn T khai nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã được xem xét giải quyết trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước đó nên không xem xét gì thêm.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với giấy chứng nhận kết hôn đề tên Đặng Thị P và Hu Yue Hong, ngày 18/8/2020 là giấy kết hôn giả lưu theo hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 104 Bộ luật hình sự, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật TTHS, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T **12 (mười hai)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt **10 (mười)** năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST, ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **11 (mười một)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án Giấy chứng nhận kết hôn giả đề tên Đặng Thị P và Hu Yue Hong, ngày 18/8/2020.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- CA, VKS, Cục THA Dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an quận Tân Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27; PC 45- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSPA, lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Đào**